

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700289499 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 10 năm 2014)



TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Trụ sở chính : Tổ 16, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh

Điện thoại : (84.3) 3386 2229 Fax : (84.3) 3386 0641

Website : www.taynamdamai.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Vũ Văn Đạt Chức vụ: Chánh Văn Phòng

Điện thoại : (84.3) 3386 2229 Fax : (84.3) 3386 0641

MỤC LỤC

MỤC LỤC...	2
PHẦN 1. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	6
I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	6
1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	6
2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch	7
3. Quá trình hình thành phát triển	7
4. Quá trình tăng vốn	8
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	8
II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	9
1. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	9
III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	14
1. Cổ đông sáng lập	14
2. Cơ cấu cổ đông	14
IV. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY –MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	15
1. Công ty mẹ của Tanadacoal	15
2. Danh sách Công ty con của Tanadacoal	15
3. Danh sách Công ty mà Tanadacoal đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối	15
V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	16
1. Các sản phẩm và dịch vụ	16
2. Trữ lượng than	19
3. Thị trường	19
VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2013–9 tháng 2015	20
2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tanadacoal	21
VII. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	22
1. Vị thế của Công ty trong ngành	22
2. Triển vọng phát triển ngành	23
3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	25
VIII. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	26
1. Số lượng người lao động	26
2. Chính sách đối với người lao động	26

MỤC LỤC

IX.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	27
X.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	27
1.	Các chỉ tiêu cơ bản	27
2.	Tình hình công nợ.....	29
3.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	31
XI.	TÀI SẢN	32
XII.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN TRONG NĂM 2016	34
XIII.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN.....	34
XIV.	CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH.....	35
XV.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	35
PHẦN 2. QUẢN TRỊ CÔNG TY		37
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
1.	Ông Hoàng Minh Hiếu: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	37
2.	Ông Nguyễn Xuân Lập: Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị.....	39
3.	Ông Phạm Cao Nghĩa: Thành viên Hội đồng quản trị	40
4.	Ông Vũ Trọng Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị.....	42
5.	Ông Nguyễn Trọng Tấn: Thành viên Hội đồng quản trị	43
II.	BAN KIỂM SOÁT	44
1.	Ông Phạm Xuân Vinh: Trưởng Ban Kiểm soát	44
2.	Ông Nguyễn Quang Quảng: Thành viên Ban Kiểm soát.....	46
3.	Ông Nguyễn Huy Hoàng: Thành viên Ban Kiểm soát	47
III.	BAN GIÁM ĐỐC	48
1.	Ông Nguyễn Xuân Lập: Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	48
2.	Ông Vũ Trọng Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị.....	48
3.	Ông Vũ Văn Huy: Phó Giám đốc	49
4.	Ông Đặng Xuân Vượng: Phó Giám đốc	50
5.	Ông Phạm Duy Thanh: Phó Giám đốc.....	51
IV.	KẾ TOÁN TRƯỞNG	52
V.	KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	53
PHẦN 3. PHỤ LỤC.....		54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của Tanadacoal.....	8
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại 01/10/2015.....	14
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tanadacoal tại 01/10/2015.....	14
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm.....	18
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm.....	18
Bảng 6: Trữ lượng mỏ than CTCP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN.....	19
Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	20
Bảng 8: Một số các Công ty cùng ngành với CTCP Than Tây Nam Đá Mài đang đăng ký giao dịch trên Sàn Giao dịch chứng khoán Việt Nam.....	22
Bảng 9: Dự báo về nhu cầu than trong nước giai đoạn 2015-2030.....	23
Bảng 10: Trữ lượng than Việt Nam.....	23
Bảng 11: Tổng số lao động của Công ty tại 31/12/2014.....	26
Bảng 12: Tình hình cổ tức từ năm 2012 – 2014.....	27
Bảng 13: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2012 –6 tháng 2015.....	28
Bảng 14: Số dư các Quỹ giai đoạn 2013 – 6 tháng 2015.....	28
Bảng 15: Tổng dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2015.....	28
Bảng 16: Các khoản phải thu.....	29
Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính.....	31
Bảng 19: Tình hình tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2014.....	32
Bảng 20: Tình hình tài sản cố định vô hình đến 31/12/2014.....	33
Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015.....	34
Bảng 23: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Bảng 24: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	44
Bảng 25: Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....	48
Bảng 26: Kế toán trưởng.....	52

DANH MỤC HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty.....9

Hình 2: Một số sản phẩm than chính của Tanadacoal..... 17

Hình 3: Doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp ngành than 6T/2015..... 24

Hình 4: Tình hình biến động doanh thu và tài sản cố định hữu hình của TKV trong những năm qua 24

PHẦN 1. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên doanh nghiệp	: CTCPTan Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
Tên tiếng Anh	: Tay Nam Da Mai Joint Stock Coal Company - Vinacomin
Tên viết tắt	: TANADACOAL
Trụ sở chính	: Tổ 16, P.Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh
Điện thoại	: (84.3) 3386 2229 Fax: (84.3) 3386 0641
Web	: www.taynamdamai.com.vn
Giấy Đăng ký kinh doanh	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700289499 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 10 năm 2014
Người đại diện pháp luật	: Nguyễn Xuân Lập
Chức vụ người đại diện	: Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	: 160.000.000.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	: 160.000.000.000 VND
Ngày trở thành công ty đại chúng	04/01/2012
Ngày cấp chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán:	: 23/11/2015

Logo



Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
7	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700289499 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 10 năm 2014 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Tên chứng khoán** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin
- **Loại chứng khoán** : Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán** : TND
- **Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch**: 16.000.000 cổ phiếu (Mười sáu triệu cổ phiếu)
- **Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch**: 160.000.000.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch** : 0 cổ phiếu

3. Quá trình hình thành phát triển

Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài mà tiền thân là Công trường tận thu than trôi được thành lập từ 12/4/1962 theo QĐ số 55 QĐ/UB ngày 10/3/1962 của UBND tỉnh Quảng Ninh, có tên gọi là Công trường than nhật, trụ sở đặt tại Phường Cẩm Sơn - Thị xã Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. Khi mới được thành lập có nhiệm vụ chủ yếu là tận thu các nguồn than rơi vãi tại các khu vực bãi thải và các khe suối thuộc các mỏ lớn thải ra như: Mỏ Than Cọc 6, Mỏ Than Đèo Nai, Mỏ Than Cao sơn bằng nguồn lao động thủ công.

Đến năm 1986 UBND tỉnh Quảng ninh quyết định chuyển Công trường than trôi thành Xí nghiệp than Cẩm phả trực thuộc Sở công nghiệp tỉnh Quảng Ninh. Xí nghiệp có nhiệm vụ khai thác, sản xuất chế biến và tiêu thụ than với quy mô sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ. Mức sản lượng tăng trưởng đều trong các năm 1986 đến 1998 từ 3 đến 13 vạn tấn/năm. Xí nghiệp từ một đơn vị trực thuộc Sở công nghiệp Quảng Ninh đã trở thành một Doanh nghiệp trực thuộc Công ty Than Quảng Ninh - đơn vị thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam

Thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo QĐ số 42/1999/QĐ-BCT ngày 16/07/1999 của Bộ trưởng Bộ công thương, Công ty đi vào hoạt động và đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Tây Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Đá Mài từ ngày 1/10/1999 với mức vốn điều lệ là 6.531.837.535 đồng, hiện nay vốn điều lệ của Công ty được nâng lên 160 tỷ đồng.

Ngày 1/7/2003 Công ty chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 25/11/2009, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 40 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 01/12/2011, Công ty nộp hồ sơ đăng ký trở thành công ty đại chúng lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được chấp thuận chính thức trở thành Công ty đại chúng từ ngày 04/01/2012.

Ngày 13/06/2012, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng lần hai cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng.

Trải qua hàng chục năm hoạt động, Công ty được UBND tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, nhiều cấp ngành của Trung ương và địa phương trao tặng nhiều bằng khen, đặc biệt năm 2007 Chủ tịch nước đã tặng thưởng Công ty và Nguyên Giám đốc Nguyễn Đình Cường Huân chương lao động hạng 3.

4. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của Tanadacoal

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	25/11/2009	33.468.160.000	40.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết số 239/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/10/2009 của CTCP Than Tây Nam Đá Mài
2	13/06/2012	120.000.000.000	160.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 ngày 21/04/2012

Nguồn: Tanadacoal

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Than Tây Nam Đá Mài hiện không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

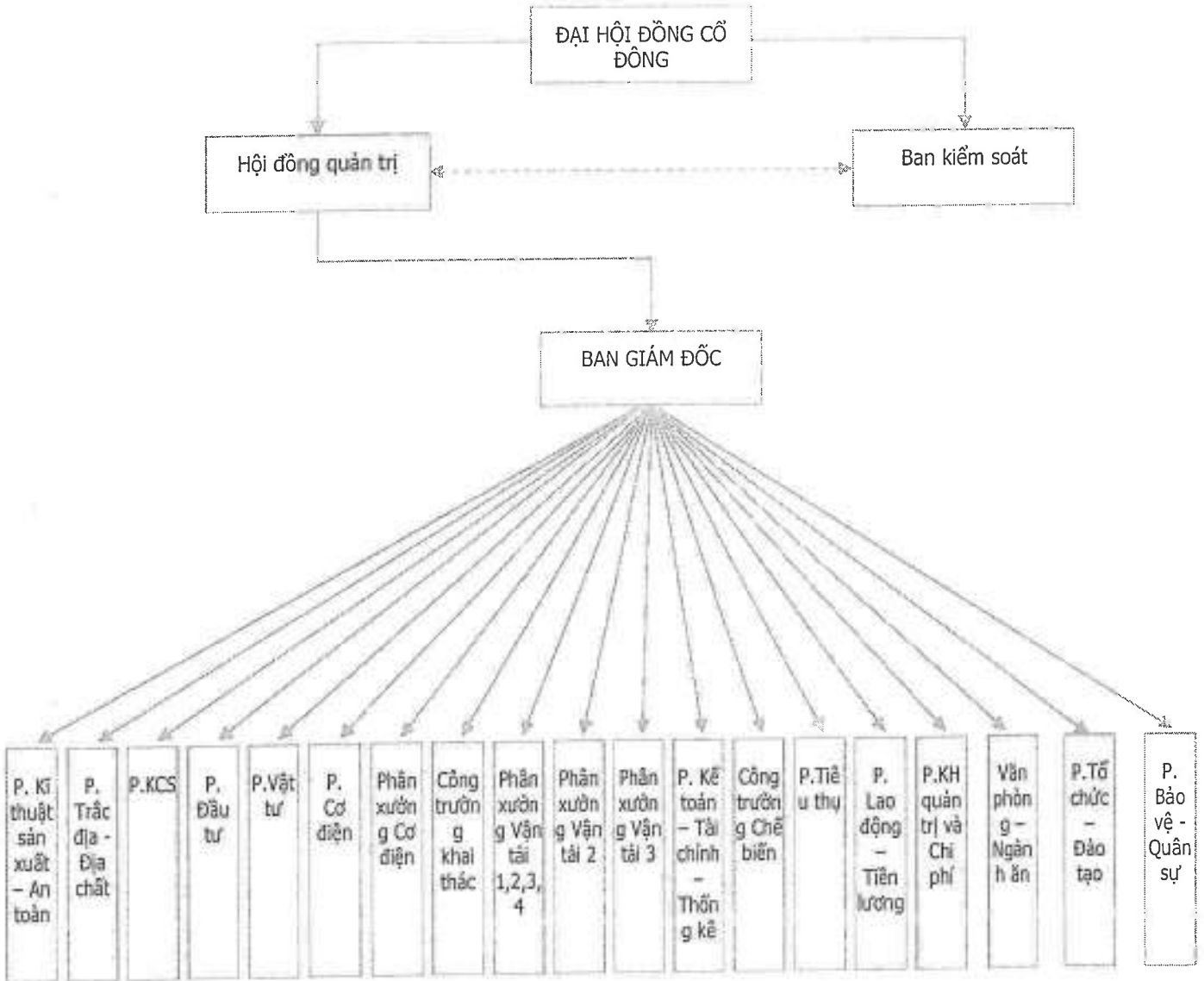
Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123 ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 01/10/2015, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

1. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: Tanadacoal

Tanadacoal hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức như sau: (i) Đại hội đồng cổ đông, (ii) Hội đồng quản trị, (iii) Ban Kiểm soát, (iv) Ban Giám đốc và (v) Các phòng ban.

1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN. Quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Quyết định số vốn điều lệ và chia số vốn thành các cổ phần khác nhau;
- Điều tra quyết định cách chức, xử lý các vi phạm của hội đồng quản trị và ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông;
- Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty;

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- giá trị tài sản, mua lại lớn hơn hoặc 10% số của phần đã phát hành ở mỗi loại;
- Bầu và miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại luật doanh nghiệp.

1.2 Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị là Đại diện pháp nhân mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty với một số quyền cụ thể như sau:

- Quyết định chiến lược phát triển của công ty, việc phát hành cổ phiếu mới;
- Quyết định chính sách thị trường, công nghệ của công ty;
- Bổ nhiệm miễn nhiệm giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng bộ phận khác;
- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, nhân sự;
- Quyết định chính sách cơ cấu quản lý mang tính chiến lược lâu dài;
- Chịu trách nhiệm về vi phạm pháp luật;
- Ngoài ra hội đồng quản trị còn có chức năng, quyền hạn khác được quy định theo Luật doanh nghiệp số 60/2014/QH13 có hiệu lực ngày 01/07/2015 và Thông tư số 121/2012/TT-BTC về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

1.3 Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát là Tổ chức thay mặt cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động của công ty với nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể: Kiểm tra tính trung thực, hợp pháp trong hội đồng quản lý, điều hành công ty trong các sổ sách báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

1.4 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là Đại diện pháp lý của Công ty, được chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng ngày. Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Cụ thể :

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị (HĐQT);
- Xây dựng trình HĐQT phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch tác nghiệp, các quy chế quản lý, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý. Bổ nhiệm miễn nhiệm kế toán trưởng và các trưởng bộ phận khác. Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Ngoài ra ban giám đốc còn có quyền, nhiệm vụ khác theo một số điều trong luật doanh nghiệp.

1.5 Các phòng ban

1.5.1. Văn phòng:

Văn phòng có chức năng đảm bảo quản trị chặt chẽ giấy tờ công văn, gửi giấy tờ công văn kịp thời và đúng đủ tới các phòng chức năng liên quan. Quản lý và điều hành tốt xe con và xe chở thực phẩm. Lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, điện thoại trong công ty.

1.5.2. Phòng tổ chức lao động

Phòng tổ chức lao động thực hiện tham mưu cho ban giám đốc, HĐQT công ty xây dựng, quản lý chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác tổ chức cán bộ, tổ chức sản xuất, công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, thi đua khen thưởng của Công ty. Chịu trách nhiệm về mặt vật chất đời sống, văn hóa, tinh thần, chế độ, chính sách, tiền lương, thưởng, các vấn đề liên quan khác đến luật lao động.

Đồng thời phòng tiến hành tham mưu cho ban giám đốc, HĐQT công ty xây dựng, quản lý chỉ đạo thực hiện tốt công tác lao động tiền lương, công tác BHXH, BHYT, BHTN, các chế độ chính sách của người lao động và Công tác y tế Công ty. Quản lý lao động tiền lương - đào tạo, giúp việc cho giám đốc, quản lý toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty. Căn cứ vào trình độ năng lực, nghề nghiệp của từng người để bố trí cho phù hợp. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, nhu cầu các phòng ban, phân xưởng để bố trí lao động. Xây dựng các định mức lao động kế hoạch tiền lương, nghiệm thu các công trình trả lương cho người lao động và quản lý tiền lương trong Công ty.

1.5.3. Phòng kế hoạch và quản trị chi phí:

Phòng kế hoạch và quản trị chi phí có chức năng tham mưu cho ban giám đốc, HĐQT xây dựng, quản lý chỉ đạo hướng dẫn và thực hiện công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, vật tư, nhiên liệu, kế hoạch giá thành, khoán quản trị về chi phí. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty theo định kỳ tháng, quý, năm và 5 năm (kế hoạch ngắn hạn, dài hạn). Soạn thảo các hợp đồng kinh tế liên quan đến sản xuất kinh doanh. Thường trực công tác khoán chi phí của công ty...

1.5.4. Phòng kế toán thống kê tài chính:

Phòng kế toán thống kê tài chính thực hiện:

- Tham mưu cho Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị xây dựng quản lý chỉ đạo hướng dẫn và thực hiện công tác hạch toán kế toán, công tác tài chính thống kê sản xuất kinh doanh xây dựng cơ bản công tác tín dụng và thanh toán.
- Thực hiện tổng hợp báo cáo thống kê nhanh hàng tuần báo cáo ước tổng hợp hàng tháng báo cáo thống kê quý, năm toàn công ty và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của giám đốc, HĐQT, Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam, các cơ quan nhà nước theo quy định.

1.5.5. Phòng điều khiển sản xuất:

Phòng điều khiển sản xuất cùng với PGĐ sản xuất điều hành trực tiếp các khối khai thác, vận tải, sàng tuyển đảm bảo sản xuất đơn vị nhịp nhàng đúng tiến độ. Tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo sự cân đối giữa các chỉ tiêu kế hoạch giao trong kỳ, giảm tối đa hoạt động không làm ra sản phẩm của thiết bị. Bố trí hợp lý trong toàn bộ dây chuyền sản xuất, điều hành chung làm tốt công tác đường vận tải, đường liên lạc, máng xúc và san gạt bãi thải nhằm tăng năng suất, giảm chi phí sẫm lỗi, vật tư nhiên liệu.

1.5.6. Phòng trắc địa – Địa chất:

Phòng trắc địa- địa chất thực hiện tham mưu cho Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị về toàn bộ công tác trắc địa, địa chất, ranh giới mỏ. Làm công tác đo đạc, cập nhật bản đồ địa hình, chỉ đạo, hướng dẫn cho công tác khai thác phục vụ yêu cầu sản xuất.

1.5.7. Phòng kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động

Phòng có chức năng tham mưu cho Giám đốc điều hành, HĐQT Công ty xây quản lý, chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác, kỹ thuật khai thác mỏ, an toàn và môi trường của công ty. Giám sát thực hiện tốt công tác an toàn bảo hộ lao động.

1.5.8. Phòng Cơ điện:

Phòng cơ điện thực hiện việc tham mưu cho Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, xây dựng quản lý chỉ đạo hướng dẫn và tổ chức thực hiện về công tác kỹ thuật cơ điện và vận tải trong công ty. Quản lý toàn bộ hồ sơ máy móc thiết bị gồm: Hồ sơ nguồn gốc tài sản, quyết định điều chuyển và giao nhận tài sản. Xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định hàng năm, tham gia kế hoạch đầu tư thiết bị mới, kế hoạch thuê mượn thiết bị, kế hoạch mua sắm vật tư cho sửa chữa bảo dưỡng, kế hoạch huy động thiết bị hàng năm, quý, tháng.

1.5.9. Phòng Vận tải

Phòng tiến hành tham mưu giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các thiết bị vận tải.

1.5.10. Phòng KCS:

Phòng KCS có chức năng tham mưu cho giám đốc điều hành, HĐQT xây dựng quản lý chỉ đạo hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác chất lượng sản phẩm của công ty. Tham gia lập kế hoạch chất lượng sản phẩm cùng phòng kỹ thuật công ty. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch, chất lượng sản phẩm của công ty từ khâu đầu khai thác đến khâu tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị về doanh thu, tận thu được tài nguyên tăng tỷ lệ thu hồi than sạch. Thường xuyên kiểm tra giám sát người lao động trong quá trình chế biến, sàng tuyển các chủng loại than buộc người lao động thực hiện đúng quy trình, quy phạm trong khâu chế biến đảm bảo quy trình chất lượng than theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng chủng loại,...

1.5.11. Phòng Vật tư:

Phòng Vật tư có chức năng:

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty về công tác quản lý, sử dụng, mua, bán vật tư;
- Cung cấp thông tin, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên nhiên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên nhiên vật liệu phục vụ SXKD của Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Giám đốc về công tác quản lý, sử dụng, mua, bán vật tư.

1.5.12. Phòng đầu tư – môi trường:

Phòng thực hiện việc tham mưu giúp giám đốc điều hành, hội đồng quản trị Công ty xây dựng, quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác đầu tư, xây dựng cơ bản của Công ty. Chịu trách nhiệm về công tác KT - XDCB, thay thế đổi mới công nghệ đưa vào sản xuất, theo dõi gián tiếp tình trạng máy móc thiết bị, tiến độ thi công của các đơn vị khai thác. Xây dựng kế hoạch đầu tư, giám sát thi công các công trình XDCB, cùng các phòng nghiệp vụ quyết toán các công trình.

1.5.13. Phòng bảo vệ - quân sự:

Phòng bảo vệ - quân sự chịu trách nhiệm bảo vệ trật tự an ninh tài sản trong sản xuất. Thực hiện chính sách pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền. Bảo vệ tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn và bảo vệ chặt chẽ tài nguyên ranh giới mỏ. Quản lý bảo vệ tài nguyên từ khâu khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ.

III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Than Cẩm Phả theo QĐ số 42/1990/QĐ/BCT ngày 16/07/1999 do đó Công ty không có cổ đông sáng lập.

2. Cơ cấu cổ đông

2.1 Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại 01/10/2015

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	01	10.459.404	65,37%
2	Cá nhân	123	5.540.596	34,63%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
Tổng cộng		124	16.000.000	100%

Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 01/10/2015 của Tanadacoal

2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tanadacoal

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tanadacoal tại 01/10/2015

STT	Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - VINACOMIN	5700100256	Số 226, phố Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	10.459.404	65,37%
Tổng cộng				10.459.404	65,37%

Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 01/10/2015 của Tanadacoal

IV. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY –MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Công ty mẹ của Tanadacoal

Tên doanh nghiệp	: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam
Tên tiếng Anh	: Vietnam National Coal - Mineral Industries Group-Vinacomin
Tên viết tắt	: TKV
Trụ sở chính	: 226 phố Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	: 31.426.859.393.042 VND
Điện thoại	: (84.4) 3851 0780 Fax: (84.4) 3851 0724
Web	: www.vinacomin.vn
Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100256 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 12/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2014
Số lượng cổ phần đang nắm giữ tại Tanadacoal	: 10.459.404 cổ phần
Tỷ lệ số cổ phần nắm giữ tại Tanadacoal	: 65,37%
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	: <ul style="list-style-type: none">- Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than;- Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản;- Sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitorat amon;- Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua bán điện.

2. Danh sách Công ty con của Tanadacoal

Không có

3. Danh sách Công ty mà Tanadacoal đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Không có

V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Các sản phẩm và dịch vụ

CTCP Than Tây Nam Đá Mài là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và sơ chế than (hiện tại Công ty chỉ khai thác lộ thiên và chưa có định hướng khai thác hầm lò trong tương lai gần) thuộc Tập đoàn Than Khoáng Sản (TKV), doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN đến từ (i) kinh doanh than nguyên khai, (ii) kinh doanh than sạch và (iii) kinh doanh dịch vụ khác.

1.1 Than Nguyên Khai

Một trong những sản phẩm kinh doanh đặc trưng nhất của các doanh nghiệp khai thác than là Than nguyên khai (than mới khai thác từ vỉa, chưa qua chế biến). Than Nguyên Khai sau khi được thu mua từ Tanadacoal sẽ tiếp tục được sàng tuyển nhằm mục tiêu phục vụ các nhu cầu khác nhau của Tập đoàn TKV. Hoạt động kinh doanh than nguyên khai hàng năm đóng góp từ 10 - 20% doanh thu hàng năm.



1.2 Than Sạch (Than Thành phẩm)

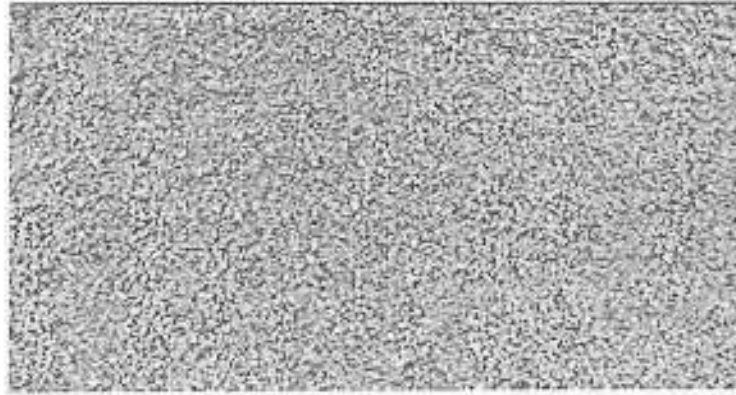
Bên cạnh việc kinh doanh Than Nguyên Khai, hàng năm CTCP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN khai thác và tiêu thụ được hơn 1200 tấn than sạch (than đã qua chế biến, sàng tuyển) với nhiều chủng loại đáp ứng nhiều mục đích sử dụng của khách hàng. Than nguyên khai được khai thác từ vỉa được chở về các máy sàng để sàng tuyển thành than sạch, sau đó than sạch được vận chuyển đến cảng và xuất theo nhu cầu của khách hàng. Đối với các loại than chưa sẵn có, Công ty phải thực hiện pha trộn, chế biến để đáp ứng nhu cầu. Vì vậy, than được cung cấp theo nhiều chủng loại khác nhau như: các loại than cám (từ than cám 1 đến than cám 7), than cục xô.

Hoạt động kinh doanh Than sạch đóng góp từ 60 – 80% doanh thu hàng năm và là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty.

Chia theo chủng loại sản phẩm, than sạch của Tanadacoal có thể chia ra làm hai loại chính là: (i) Than cám và (ii) Than cục.

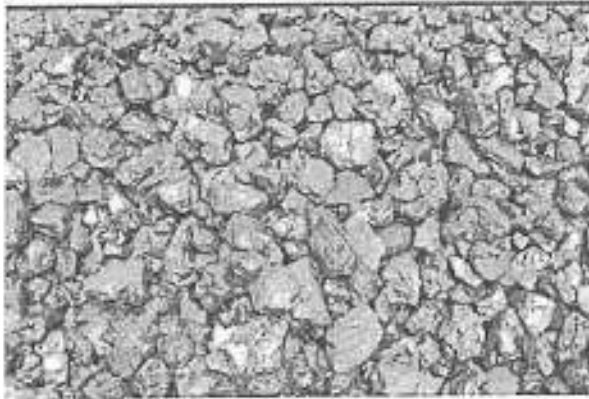
Hình 2: Một số sản phẩm than chính của Tanadacoal

Than cám



Than cám đường kính < 35mm

Than cục



Than cục đường kính 16-35mm



Than cục đường kính > 35mm

Nguồn: Tanadacoal

Phân chia theo tiêu chuẩn chất lượng, Than sạch của Công ty được phân ra thành (i) than tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam (TCVN) và (ii) than tiêu chuẩn than cơ sở (TCCS).

Trong đó:

- **Than đạt tiêu chuẩn Việt Nam** (Than cám từ 3-6): kết quả thí nghiệm cho thấy than của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin là loại than antraxit, thuộc loại than có nhiệt lượng cao.
- **Than đạt tiêu chuẩn cơ sở** (Than Cục và Than cám loại 7 trở lên): tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại than cục, cám thương phẩm của vùng Hòn Gai - Cẩm Phả thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam ngoài các loại than của tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

1.3 Dịch vụ khác

Ngoài hoạt động sản xuất và kinh doanh than, Công ty còn là đầu mối mua bán xăng dầu, vật tư khai thác, kinh doanh đất đá lẫn than, kinh doanh vé ăn công nghiệp. Trong các hoạt động trên, hoạt động kinh doanh đất đá lẫn than và kinh doanh vé ăn công nghiệp là những hoạt động đem lại nguồn thu chính với mức đóng góp 3-8% cơ cấu tổng doanh thu hàng năm.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị: VNĐ

Tiêu chí	Năm 2013	% DTT	Năm 2014	% DTT	GT/2013	% DTT
Than sạch	1.096.260.417.572	64,43%	1.886.803.785.562	83,84%	990.346.804.197	75,56%
Than nguyên khai	459.833.452.789	27,02%	244.522.420.379	10,87%	276.555.335.824	21,10%
Dịch vụ khác	145.512.011.337	8,55%	119.012.525.848	5,29%	43.832.292.423	3,34%
Doanh thu thuần	1.701.605.881.698	100,00%	2.250.338.731.789	100,00%	1.310.734.432.444	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo bán niên năm 2015 đã kiểm toán của Tanadacoal

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: VNĐ

Tiêu chí	Năm 2013	% DTT	Năm 2014	% DTT	GT/2013	% DTT
Than sạch	209.482.796.183	12,31%	212.361.418.271	9,44%	54.817.990.857	4,16%
Than nguyên khai	121.068.888.579	7,11%	-21.636.741.911		53.304.588.874	4,07%
Dịch vụ khác	13.662.727.212	0,80%	382.843.480	0,02%	32.998.000	0,00%
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	-13.668.011.228	-0,80%	13.668.011.228	0,61%	0	0,00%
	330.546.400.746	19,43%	204.775.531.068	9,10%	108.155.577.731	8,25%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo bán niên năm 2015 đã kiểm toán của Tanadacoal

Nhìn chung, trong những năm qua, doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt được những bước tiến mạnh mẽ, tuy nhiên sự gia tăng cao của chi phí đã làm giảm tỷ suất sinh lời, lợi nhuận của Công ty. So với năm 2013, doanh thu hoạt động kinh doanh của Tanadacoal tăng hơn 32%, hoàn thành kế hoạch đặt ra với sự đóng góp chủ yếu từ doanh thu kinh doanh than sạch (tăng hơn 72%). Tuy nhiên, trong năm 2014, do thời tiết mưa nhiều, mưa sớm, khiến cho đường trơn lầy, điều kiện khai thác khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng khai thác, do đó, doanh thu kinh doanh than nguyên khai và kinh doanh dịch vụ khác giảm mạnh với mức giảm lần lượt là 47% và 18% so với năm trước. Ngoài ra, thời tiết xấu còn khiến hàng loạt các chi phí khai thác trực tiếp gia tăng: chi phí lốp, vật tư, nhiên liệu, sửa chữa, chi phí thuốc nổ, chi phí bơm nước v.v. Chi phí khai thác gia tăng là nguyên nhân trực tiếp khiến tổng chi phí giá vốn tăng hơn 49% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm lợi nhuận thu được cũng như ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời. Bước sang nửa đầu năm 2015, tình hình vẫn chưa thực sự khởi sắc khi lượng mưa vẫn tương đối nhiều khiến tổng chi phí giá vốn vẫn chiếm đến hơn 90% doanh thu. Tanadacoal sẽ cần triển khai những biện pháp quyết liệt hơn để hoàn thành mục tiêu kế hoạch và đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

2. Trữ lượng than

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác than tự nhiên, mỏ than là nguồn nguyên liệu vô cùng quan trọng và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN. Căn cứ theo giấy phép số 1251/GP-BTNMT ngày 26/6/2014, CTCP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN hiện đang được cấp phép khai thác mỏ than lộ thiên Khe Chàm II với 6 vỉa khai thác như sau:

Bảng 6: Trữ lượng mỏ than CTCP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN

STT	Khu vực vỉa	Trữ lượng được cấp phép (tấn)	Trữ lượng đã khai thác (tấn)	Trữ lượng còn lại (tấn)
1.	Vỉa 13-1	6.502.467	812.819	5.689.648
2.	Vỉa 13-2	5.965.216	709.756	5.255.460
3.	Vỉa 14-1	329.664	27.486	302.178
4.	Vỉa 14-2	2.761.770	199.276	2.562.494
5.	Vỉa 14-4	636.831	118.486	518.345
6.	Vỉa 14-5	1.318.591	257.366	1.061.225
	Tổng	17.514.539	2.125.189	15.389.350

Nguồn: CTCP Than Tây Nam Đá Mài – VINACOMIN (Tanadacoal)

Trữ lượng lộ thiên lớn của Mỏ Khe Chàm II đem lại tiềm năng khai thác lâu dài và lợi thế cạnh tranh lớn cho Công ty, đặc biệt về mặt chi phí khai thác. Xét về khía cạnh kinh tế - xã hội, dự án khai thác mỏ Khe Chàm II đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ than ngày càng tăng của thị trường và đóng góp đáng kể trong sự phát triển chung của ngành than cũng như tỉnh Quảng Ninh.

3. Thị trường

Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao tài nguyên, trữ lượng, ranh giới mỏ mà Tập đoàn là đại diện chủ sở hữu cho Công ty quản lý để khai thác và giao nộp sản phẩm cho Tập đoàn thông qua Hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển. Do đó, thị trường của Công ty được xác định gián tiếp thông qua thị trường tiêu thụ than của Tập đoàn TKV.

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2013–9 tháng 2015

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	2013	2014	% +/-	9T/2015
Tổng giá trị tài sản (VND)	1.981.363.307.963	1.686.356.018.510	-14,89%	2.089.288.388.599
Vốn chủ sở hữu (VND)	232.070.359.084	232.070.359.084	0,00%	242.028.567.011
Doanh thu thuần (VND)	1.701.605.881.698	2.250.338.731.789	32,25%	1.747.410.082.344
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (VND)	59.195.051.804	27.851.186.027	-52,95%	7.385.120.710
Lợi nhuận khác (VND)	2.399.831.991	2.340.588.898	-2,47%	5.381.812.529
Lợi nhuận trước thuế (VND)	61.594.883.795	30.191.774.925	-50,98%	12.766.933.238
Lợi nhuận sau thuế (VND)	45.403.484.523	8.901.705.005	-80,39%	9.958.207.927
Số tiền trả cổ tức	12.800.000.000	6.400.000.000		
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	28,2%	71,9%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	20,85%	3,84%	-	4,20%
Giá trị sổ sách (VND)	14.504	14.504		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo tài chính 9 tháng 2015 của Tanadacoal

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tanadacoal

2.1 Cơ chế quản lý của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đại diện cho Nhà nước quản lý tài nguyên, trữ lượng than của quốc gia. Các công ty con thực hiện sản xuất theo kế hoạch về sản lượng, chi phí và giá bán của Tập đoàn. Vì vậy các chính sách của Tập đoàn về giao khoán chi phí và giá cả ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

2.2 Tình hình tài nguyên:

Giá bán than phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng, phẩm cấp than. Với đặc thù của tài nguyên than, càng khai thác xuống sâu, chất lượng than càng tốt. Do đó, trong những năm sau, than của Công ty có chất lượng tốt hơn và tương đối ổn định, góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận.

2.3 Những thuận lợi và khó khăn

2.3.1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, của các cấp chính quyền địa phương. Sự phối kết hợp sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong và ngoài ngành tạo ra những thuận lợi nhất định cho Công ty về việc làm và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty;
- Tập thể Đảng bộ, CBCNV công ty luôn đoàn kết đồng lòng quyết tâm phấn đấu thực hiện các mục tiêu SXKD hàng năm mà Công ty đề ra;
- Trong công tác điều hành, tập thể lãnh đạo của Công ty đã dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của CBCNV, đồng thời tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội tham gia tích cực trong công tác quản lý công ty;
- Năm 2014 nền kinh tế trong nước tiếp tục được duy trì ổn định, tăng trưởng đã thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.
- Nhu cầu tiêu thụ than trong nước tăng cao, việc làm cho người lao động được đảm bảo, ổn định.

2.3.2. Khó khăn

- Công ty không được chủ động về sản lượng khai thác, đối tác và giá bán sản phẩm mà đều phải chờ chủ trương của Tập đoàn CN-Than Khoáng sản Việt Nam nên sẽ bị phụ thuộc và thiếu sự chủ động trong kinh doanh;
- Thời tiết năm 2014 có nhiều diễn biến bất lợi, mưa nhiều, điều kiện làm việc khắc nghiệt, đường trơn lầy, khai thác xuống sâu v.v. nên việc khai thác, sản xuất gặp nhiều khó khăn;
- Công ty đang tiến hành đầu tư mới thêm nhiều máy móc thiết bị, hạ tầng do đó giá thành sản xuất gia tăng đáng kể. Thêm vào đó, do một số hạng mục vẫn đang trong giai đoạn đầu tư chưa hoàn thiện nên các điều kiện kỹ thuật mỏ chưa đạt được theo yêu cầu nếu tăng sản lượng vào những năm tiếp theo;
- Công tác mở rộng mặt bằng sản xuất, thuê đất v.v. gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, công tác mở rộng bãi thải gặp khó khăn trong việc thống nhất đền bù với các hộ dân.
- Số lượng người lao động lớn nên việc quản lý nhân sự là vấn đề đòi hỏi ban lãnh đạo Công ty phải luôn quan tâm, đưa ra các chính sách thích hợp để thu hút người lao động gắn bó lâu dài, đảm bảo sản lượng khai thác theo kế hoạch đặt ra.

VII. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN đã trải qua hàng chục năm xây dựng và phát triển và đã từng bước gây dựng được chỗ đứng của mình trên thương trường thông qua chính sách đầu tư hợp lý về nhân sự và công nghệ. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty sở hữu hơn 1.000 lao động, trong đó phần lớn là đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề, có trình độ cao, đã được đào tạo chính quy và trải qua nhiều năm kinh nghiệm công tác. Bên cạnh thế mạnh về nguồn nhân lực, công ty còn có chính sách hợp lý trong việc tạo ra cho mình thế mạnh cạnh tranh riêng về cơ sở hạ tầng và công nghệ. Những năm gần đây, Công ty đã tập trung tăng cường đầu tư hạ tầng cơ bản như Nhà điều hành, nhà xưởng, hệ thống kho tàng hiện đại, quy củ. Thêm vào đó, hàng năm Công ty đều tiến hành đầu tư bổ sung thiết bị mới phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất khai thác.

Nhờ chính sách nhân lực và công nghệ hợp lý, sản phẩm than của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường với hàng chục đối tác và hàng trăm hợp đồng mua bán có giá trị cao. Các hoạt động kinh doanh khác cũng đạt hiệu quả cao với mức doanh thu không ngừng được cải thiện. So với các Công ty cùng ngành, doanh thu Tanadacoal xếp thứ 6/10 doanh nghiệp được so sánh.

Bảng 8: Một số các Công ty cùng ngành với CTCP Than Tây Nam Đá Mài đang đăng ký giao dịch trên Sàn Giao dịch chứng khoán Việt Nam

Đơn vị: Nghìn VND

T.T	Mã CP	Tên Công ty	Doanh thu thuần 2014	T.NGT 2014	Tổng tài Sản 2014	Vốn chủ sở hữu 2014
1	TC6	CTCP Than Cọc Sáu	4.313.293.563	43.202.667	1.223.031.072	324.413.289
2	TCS	CTCP Than Cao Sơn	4.173.014.464	4.280.035	1.655.028.868	269.465.897
3	TVD	CTCP Than Vàng Danh	3.494.790.658	116.172.256	1.855.203.910	446.675.094
4	TDN	CTCP Than Đèo Nai	2.636.132.713	28.332.435	1.069.986.069	279.657.305
5	THT	CTCP Than Hà Tu	2.372.730.861	40.621.807	684.496.418	253.006.845
6	TND	CTCP Than Tây Nam Đá Mài	2.250.338.732	8.901.705	1.686.356.019	232.070.359
7	HLC	CTCP Than Hà Lầm	2.132.277.300	36.556.735	2.647.113.439	277.196.993
8	NCB	CTCP Than Núi Béo	1.821.088.102	110.961.553	1.143.905.484	374.135.711
9	MDC	CTCP Than Mông Dương	1.715.320.996	47.204.274	968.257.352	218.990.095
10	THS	CTCP Than Thanh Hoa	159.369.112	2.558.756	60.926.186	34.183.520

Nguồn: Báo cáo tài chính & BCTC kiểm toán năm 2014 của các công ty cùng ngành

Do có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế toàn quốc nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, nhiều cấp ngành của Trung ương và địa phương trao tặng nhiều bằng khen, đặc biệt năm 2007 Chủ tịch nước đã tặng thưởng Công ty và Giám đốc Nguyễn Đình Cường Huân chương lao động hạng III..

Với những đặc điểm và thành tích nêu trên, cùng với kinh nghiệm tích lũy được trong hàng chục năm hoạt động, có thể khẳng định Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN là một doanh nghiệp có uy tín và phát triển ổn định, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành.

2. Triển vọng phát triển ngành

Với tư cách là một doanh nghiệp ngành than, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và chế biến than, sự phát triển của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN cũng chịu những tác động nhất định từ sự phát triển ngành than, trong đó phải kể đến các yếu tố chính như (i) tình hình cung cầu than trong nước, (ii) kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành và (iii) kết quả kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than – KS Việt Nam (TKV).

2.1 Tình hình cung cầu than trong nước

Trong nền kinh tế nói chung và ngành than nói riêng, yếu tố quyết định chính đến sự phát triển của các doanh nghiệp là cung và cầu, sự gia tăng của nhu cầu cùng với sự phát triển ổn định của nguồn cung sẽ thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

Ngành than đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm cung cấp nhiên liệu hoạt động cho hầu hết các ngành đặc biệt là điện, phân bón, giấy, xi-măng – những ngành sử dụng nhiều than nhất trong sản xuất. Điều này cho thấy đầu ra của ngành than rất ổn định. Theo "Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét đến triển vọng đến năm 2030" số 60/QĐ-TTg của chính phủ, nhu cầu than của nước ta trong giai đoạn sắp tới dự kiến như sau:

Bảng 9: Dự báo về nhu cầu than trong nước giai đoạn 2015-2030

Đơn vị: Triệu tấn

Năm	2015	2020	2025	2030
Dự báo nhu cầu than	56,2 – 60,7	112,4 – 120,3	145,5 – 177,5	220,3 – 270,1

Nguồn: Quyết định 60/QĐ-TTg ngày 9/1/2012

Để đáp ứng nhu cầu trên, hiện Chính phủ đã giao cho Bộ Công Thương đánh giá lại trữ lượng cho chính xác và đề xuất giải pháp khai thác sao cho vừa đảm bảo an ninh năng lượng, vừa đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững. Trước mắt, đối với bể than Đông Bắc, Bộ Công Thương đưa ra kế hoạch hoàn thành thăm dò phần tài nguyên trữ lượng than trên mức -300m và một số dưới mức -300m. Đối với bể than đồng bằng sông Hồng, Bộ Công Thương sẽ chỉ đạo thăm dò một số diện tích chứa than có triển vọng, đầu tư khai thác thử nghiệm. Với trữ lượng than dồi dào sẵn sàng cung cấp, các doanh nghiệp ngành than sẽ được hưởng lợi rất lớn từ sự gia tăng nhu cầu sử dụng và tiêu thụ than.

Bảng 10: Trữ lượng than Việt Nam

Đơn vị: 1.000 tấn

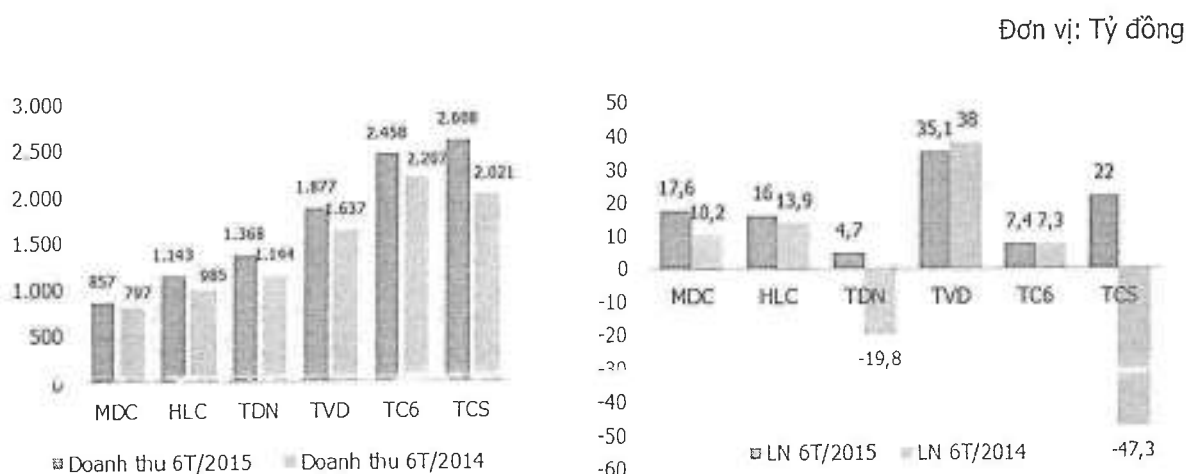
TT	Khu vực	Tổng số
I	Tổng tài nguyên và trữ lượng	
1	Bể than Đông Bắc	8.826.923
2	Bể than đồng bằng sông Hồng	39.351.616
3	Các mỏ than nội địa	181.189
4	Các mỏ than địa phương	37.434
5	Các mỏ than bùn	331.790
	Tổng cộng	48.728.952

Nguồn: Quyết định 60/QĐ-TTg ngày 9/1/2012

2.2 Tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp ngành than

Sự phát triển của ngành than trong tương lai gần được phản ánh một cách rõ nét qua kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành như: Than Mông Dương, Than Đèo Nai, Than Cao Sơn v.v.

Hình 3: Doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp ngành than 6T/2015



Nguồn: BCTC soát xét quý II năm 2015 của các doanh nghiệp ngành than

Theo báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành than, nhìn chung, doanh thu của các doanh nghiệp nói trên đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ mặc dù tốc độ tăng không quá cao, phổ biến ở mức hơn 20%. Về lợi nhuận, ngoại trừ TVD có mức lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm ngoái, các doanh nghiệp khác đều đạt kết quả tăng trưởng lợi nhuận tốt như MDC (tăng 70%), TDN, TCS (tăng đột biến từ lợi nhuận âm năm ngoái lên lãi ròng trong 6 tháng 2015). Trong bối cảnh ngành than năm 2015 còn nhiều khó khăn như: giá than xuất khẩu vẫn ở mức thấp; tồn kho than ở mức cao; điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn; tỷ trọng than lộ thiên giảm, chủ yếu sẽ khai thác hầm lò xuống sâu làm cho giá thành sản xuất than tiếp tục tăng; thị sự tăng trưởng kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành thể hiện những cố gắng đáng kể của lãnh đạo các doanh nghiệp trong việc tiết giảm chi phí, gia tăng năng suất lao động. Trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhu cầu rất lớn về than cho sản xuất điện thì sự tăng trưởng đồng loạt của các doanh nghiệp trên cũng đem lại những tín hiệu vô cùng lạc quan với sự phát triển của toàn ngành nói chung.

2.3 Tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)

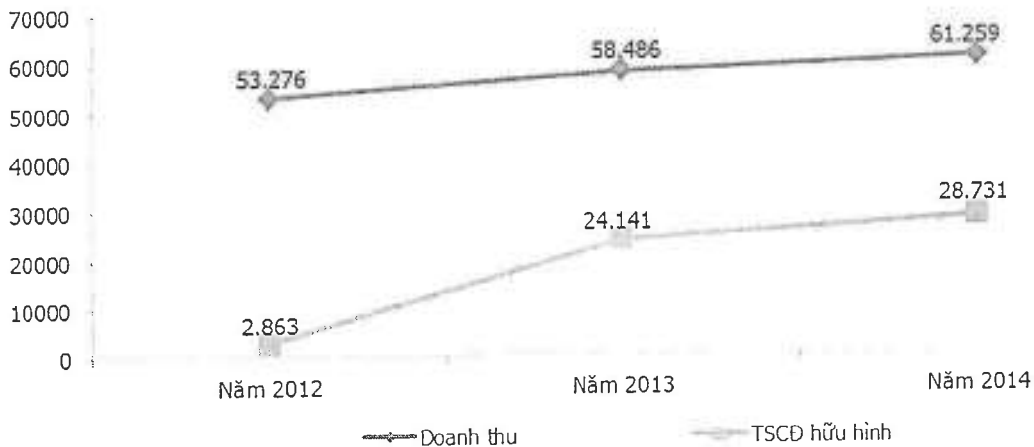
Với tư cách là công ty mẹ của hầu hết các Công ty hoạt động trong ngành than, hoạt động kinh doanh của TKV sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành than trong tương lai.

Trong những năm qua, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) vẫn duy trì được mức độ tăng trưởng trong doanh thu. Theo báo cáo tài chính công ty mẹ, năm 2013 có mức tăng trong doanh thu là hơn 5.000 tỷ đồng so với năm 2012, năm 2014 so với năm 2013 doanh thu tăng gần 3.000 tỷ. Bên cạnh sự tăng trưởng trong doanh thu, tập đoàn còn có sự phát triển vượt bậc thể hiện qua sự thay đổi trong giá trị TSCĐ hữu hình, một bộ phận vô cùng quan trọng trong cơ cấu tài sản, đảm bảo cho sự ổn định trong hoạt động khai thác, kinh doanh của tập đoàn. Báo cáo tài chính năm 2013 ghi nhận mức tăng kỷ lục trong giá trị TSCĐ hữu hình là gần 22.000 tỷ (từ mức 2.863 tỷ đồng năm 2012 lên mức 24.141 tỷ đồng năm 2013). Giá trị này tiếp tục tăng hơn 4.000 tỷ trong năm 2014.

Hình 4: Tình hình biến động doanh thu và tài sản cố định hữu hình của TKV trong những

năm qua

Đơn vị: Tỷ đồng



Theo báo cáo mới nhất của Tập đoàn TKV tại Hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai phương hướng, nhiệm vụ kinh doanh 6 tháng cuối năm, tình hình sản xuất - kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 trên các lĩnh vực của Tập đoàn tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2014. Cụ thể, doanh thu toàn Tập đoàn ước đạt 54.788 tỷ đồng, bằng 103,5% cùng kỳ 2014; trong đó, doanh thu than đạt 26.239 tỷ đồng, bằng 96% cùng kỳ; sản xuất và tiêu thụ khoáng sản đạt 3.247 tỷ đồng, bằng 107,3% cùng kỳ; sản xuất và bán điện đạt 6.281 tỷ đồng, bằng 96,5% cùng kỳ; sản xuất cơ khí đạt 1.384 tỷ đồng, bằng 103,2% cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh hiệu quả, tăng trưởng doanh thu của tập đoàn tiếp tục được duy trì là động lực tốt thúc đẩy hoạt động SXKD của các công ty thành viên nói riêng và toàn ngành nói chung phát triển.

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Là một thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, định hướng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển của ngành than nói chung. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 60/QĐTTg ngày 9/01/2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến 2030, mục tiêu của Chính phủ đối với việc phát triển ngành than trong tương lai là (i) xây dựng, phát triển ngành than bền vững, hiệu quả theo hướng đồng bộ, phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác; (ii) phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; (iii) đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và (iv) bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng. Căn cứ trên mục tiêu phát triển của ngành được phê duyệt, có thể thấy định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển ngành.

VIII. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng người lao động

Số lượng người lao động quản lý trong Công ty gồm 1.169 người, trong đó bao gồm:

Bảng 11: Tổng số lao động của Công ty tại 31/12/2014

TT	Tiêu chí phân loại		Số người
1	Phân theo giới tính	Nam	898
2		Nữ	271
Tổng			1.169
1	Phân theo trình độ	Đại học trở lên	194
2		Cao đẳng, trung cấp, trung học chuyên nghiệp	13
3		Lao động phổ thông	962
Tổng			1.169

Nguồn: Tanadacoal

2. Chính sách đối với người lao động

2.1 Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Thực hiện chế độ làm việc theo ca, 8h/1ca, thời gian làm việc gián đoạn, đảo ca nghịch
- Nghỉ phép, lễ, Tết: nhân viên Công ty được nghỉ theo đúng quy định của Nhà nước
- Nghỉ ốm, thai sản: thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của Nhà nước

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng để tạo điều kiện đảm bảo và tốt nhất cho nhân viên. Trang thiết bị để công tác được trang bị đầy đủ để thực hiện tốt công việc. Tiêu chí an toàn lao động luôn được đặt lên hàng đầu trong quá trình làm việc của nhân viên.

2.2 Chính sách đào tạo

Nhằm hướng tới sự chuyên môn hóa trong các bộ phận hoạt động của Công ty, Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Công ty có chính sách đào tạo cán bộ trẻ và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ và nhân viên.

2.3 Chính sách lương thưởng

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của Công ty theo quy chế cụ thể được công bố tới từng người lao động. Chế độ trả lương dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh có tác dụng động viên người lao động thêm gắn bó với doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân 2014 : 6.520.000 đồng/tháng

Công ty luôn đảm bảo trả đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên. So với mức thu nhập của các Công ty khác trong cùng ngành, mức lương tại Công ty là tương đối cao và mang tính cạnh tranh. Đây là một trong những chính sách nhằm thu hút người có năng lực làm việc cho Công ty, đảm bảo đời sống và gắn kết cán bộ công nhân viên lâu dài với Công ty.

IX. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn và một phần nguồn tiền cho tái đầu tư vào công nghệ sản xuất và chế biến.

Bảng 12: Tình hình cổ tức từ năm 2012 – 2014

Tiêu chí	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ lệ cổ tức (%)	12%	8%	4%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, 2013 và 2014 của Tanadacoal

X. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**1. Các chỉ tiêu cơ bản****1.1 Hoạt động Trích khấu hao TSCĐ**

- TSCĐ hữu hình, vô hình được trình bày theo nguyên giá hoặc giá trị được đánh giá lại theo quyết định của Chính phủ và khấu hao lũy kế;
- Nguyên giá được xác định: Giá mua hoặc giá trị quyết toán công trình, các loại thuế (Không bao gồm thuế được hoàn lại) và các chi phí khác liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các qui định tại thông tư số 45/2013/ TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 8

Nguồn: Tanadacoal

1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ.

Tính đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có các khoản nợ quá hạn nào.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1.3 Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 13: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2012 – 9 tháng 2015

Chỉ tiêu (VND)	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng 2015
Thuế Giá trị gia tăng	2.533.526.778	29.075.168.249	-
Thuế TNDN	12.922.845.153	17.817.631.860	168.725.312
Thuế tài nguyên	23.427.155.739	63.246.019.304	31.075.680.929
Phí và lệ phí	4.403.080.000	1.325.430.000	1.184.880.000
Tổng	43.286.607.670	111.464.249.413	32.429.286.241

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo 9 tháng 2015 của Tanadacoal

1.4 Trích lập các quỹ theo quy định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, điều lệ Công ty, các văn bản quy định hiện hành và do ĐHCĐ quy định.

Bảng 14: Số dư các Quỹ giai đoạn 2013 – 9 tháng 2015

Các Quỹ (VND)	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.310.783.298	14.503.615.803	9.011.115.803
Quỹ phát triển KH &CN	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	30.427.373.846	44.783.373.846	44.783.373.846
Quỹ dự phòng tài chính	14.356.000.000	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo 9 tháng 2015 của Tanadacoal

1.5 Tổng dư nợ vay

Bảng 15: Tổng dư nợ vay tại thời điểm 30/09/2015

TT	Nội dung	Dư nợ tại 30/09/2015
A	Vay và nợ ngắn hạn	194.978.066.609
I	Nợ ngắn hạn	77.650.742.409
1	Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	77.650.742.409
II	Nợ dài hạn đến hạn trả 2015	9.709.061.600
1	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh	814.360.600
2	Ngân hàng TMCP Á Châu CN Đông Đô	1.038.701.000
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.856.000.000

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TT	Nội dung	Dư nợ tại 30/09/2015
III	Nợ dài hạn đến hạn trả 9 tháng đầu năm 2015	107.618.262.600
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả	23.400.000.000
2	Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	24.290.000.000
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh	1.861.860.600
4	Ngân hàng TMCP ngoại thương Cẩm Phả	48.140.000.000
5	Ngân hàng TMCP Á Châu CN Đông Đô	2.077.402.000
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.849.000.000
B	Vay và nợ dài hạn	1.059.202.688.634
1	Ngân hàng TMCP ngoại thương Cẩm Phả	649.614.959.240
2	Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	102.905.000.000
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh	7.562.384.800
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả	125.861.247.594
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.849.000.000
6	Ngân hàng TMCP Á Châu CN Đông Đô	15.410.097.000
7	Vay đối tượng khác (Tập đoàn TKV)	150.000.000.000
C	Tổng dư nợ vay	1.254.180.755.243

Nguồn: Báo cáo bán niên 2015 đã kiểm toán của Tanadacoal

2. Tình hình công nợ

2.1.1. Các khoản phải thu

Bảng 16: Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	Phải thu khách hàng	459.103.653.139	289.411.422.761	67.062.736.850
	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	459.103.653.139	289.358.854.902	62.389.506.465
	Công ty Than Hạ Long TKV		40.052.905	4.596.846.920
	TT Viễn Thông Cẩm Phả Quảng Ninh		12.514.954	-
	CTCP CN Ô tô - Vinacomin			72.935.500
	Công ty CP Kim khí Thành Đô			3.447.965

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TT	TÊN KHOẢN	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
2	Trả trước cho người bán	49.500.000	1.054.879.404	86.523.578.866
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			5.322.534.332
4	Các khoản phải thu khác	108.729.360	409.664.915	97.086.792
	Tổng	459.261.882.499	290.875.967.080	159.005.936.840

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo 9 tháng 2015 của Tanadacoal

2.1.2. Các khoản phải trả

Bảng 17: Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

TT	TÊN KHOẢN	31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
I	Nợ ngắn hạn	1.120.828.500.879	715.784.411.832	775.636.405.416
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ¹	707.980.835.225	430.202.082.095 ²	306.693.915.165
2	Phải trả người bán	281.119.235.717	130.645.622.547	264.376.545.065
3	Người mua trả tiền trước	34.789.700	-	44.875.000
4	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	43.286.607.670	111.464.249.413	32.429.286.241
5	Phải trả người lao động	26.613.833.737	14.908.057.815	7.084.783.620
6	Chi phí phải trả	0	590.936.614	3.794.816.766
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.270.087.183	2.885.007.522	1.013.410.231
8	Phải trả nội bộ	37.212.328.349	10.584.840.023	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.310.783.298	14.503.615.803	9.011.115.803
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn			151.187.657.525
II	Nợ dài hạn	628.464.448.000	738.501.247.594	1.071.623.416.172
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	628.464.448.000	738.501.247.594	1.071.623.416.172
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
	Tổng	1.749.292.948.879	1.454.285.659.426	1.847.259.821.588

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Báo cáo 9 tháng 2015 đã kiểm toán của Tanadacoal

¹Căn cứ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, khoản mục Vay và nợ thuê tài chính (TK 341) sẽ được dùng để phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

²Trong BCTC kiểm toán 2014, giá trị khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng lên thêm 15.712.000.000 so với BCTC kiểm toán 2014 do chuyển nợ vay dài hạn đến hạn trả của VP bank sang nợ vay ngắn hạn.

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,06
• Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,41
• Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,00	0,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	753,8%	626,7%
• Nợ/ Tổng tài sản	%	88,3%	86,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	Vòng	1,87	3,21
• Vòng quay tổng tài sản (DTT/TTS bình quân)	Vòng	1,07	1,23
• Vòng quay khoản phải thu (DTT/KPT bình quân)	Vòng	7,29	6,00
• Vòng quay khoản phải trả (DTT/KPT bình quân)	Vòng	1,24	1,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,67%	0,40%
• Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	20,85%	3,84%
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,85%	0,49%
• Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,48%	1,24%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014

XI. TÀI SẢN

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014				
TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
1	Nhà cửa vật kiến trúc	34.883.434.814	22.792.766.052	65,34%
2	Máy móc thiết bị	429.414.853.138	148.513.100.437	34,58%
3	Phương tiện vận tải	668.611.844.219	118.023.822.020	17,65%
4	Dụng cụ quản lý	1.023.055.477	202.575.516	19,80%
	Tổng	1.133.933.187.648	289.532.264.025	25,53%
TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2015				
TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
1	Nhà cửa vật kiến trúc	32.502.524.863	19.224.550.939	59,15%
2	Máy móc thiết bị	595.750.785.947	280.525.629.172	47,09%
3	Phương tiện vận tải	990.867.656.410	360.024.340.037	36,33%
4	Dụng cụ quản lý	1.023.055.477	149.270.968	14,59%
	Tổng	1.620.144.022.697	659.923.791.116	40,73%

Nguồn: BCTCKT 2014 và BCTC 9 tháng năm 2015 của Tanadacoal

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Bảng 20: Tình hình tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VNĐ

TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014				
TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
1	Quyền sử dụng đất	1.732.800.000	1.732.800.000	100,00%
2	Phần mềm máy tính	365.761.600	199.526.210	54,55%
3	TSCD vô hình khác	1.721.530.593	150.965.807	8,77%
	Tổng	3.820.092.193	2.083.292.017	54,54%
TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2015				
TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
1	Quyền sử dụng đất	1.732.800.000	1.732.800.000	100%
2	Phần mềm máy tính	365.761.600	144.576.209	40%
3	TSCD vô hình khác	1.721.530.593	113.441.276	7%
	Tổng	3.820.092.193	1.990.817.485	41%

Nguồn: BCTCKT 2014 và BCTC 9 tháng năm 2015 của Tanadacoal

Bảng 21: Tình hình chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: VNĐ

TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014		
TT	Chi tiêu	31/12/2014
1	Bóc đất xây dựng cơ bản	516.391.333.522
2	Các công trình khác	4.011.532.759
	Tổng	520.402.866.281
TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2015		
TT	Chi tiêu	30/09/2015
1	Mua sắm	939.628.041
1	XDCB	562.408.409.230
2	Sửa chữa	8.942.138.750
	Tổng	572.290.176.021

Nguồn: BCTCKT 2014 và BCTC 9 tháng năm 2015 của Tanadacoal

XII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN TRONG NĂM 2016

Sau khi phân tích sản lượng các nhà máy phù hợp với điều kiện chung và thực tế qua các năm Tanadacoal đã đưa ra phương án sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận trong năm 2015 và 2016

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với KH 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với KH 2015
1.	Doanh thu thuần	2.632.633	16,99%	2.013.281	-30,76%
2.	Lợi nhuận trước thuế	23.217	-23,1%	15.730	-47,6%
3.	Tỷ lệ LNTT/Doanh thu thuần	0,88%	-	0,88%	-

Nguồn: Công văn số 6256/TKV-KH ngày 22/12/2015 về các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch kinh doanh 2016

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2016

Nền kinh tế Việt Nam cũng như thế giới vừa vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính sâu rộng và đang trên đà hồi phục. Tuy nhiên, những rủi ro và bất ổn vẫn tồn tại và sự phục hồi của nền kinh tế sẽ chỉ thực sự rõ ràng từ nửa cuối năm 2016 theo dự báo của một số chuyên gia. Trước tình hình này, Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra một kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận cho năm 2016 khá thận trọng và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty trong năm 2015. Tính đến hết 9 tháng năm 2015, doanh thu và lợi nhuận của Công ty mới đạt hơn 60% kế hoạch cả năm, do vậy căn cứ theo tình hình thực tế 2015, kế hoạch doanh thu - lợi nhuận năm 2016 đặt mục tiêu thấp hơn so với 2015 là hợp lý.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế nói chung, các rủi ro dự đoán cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Công ty nói riêng. Trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, bối cảnh tài chính của Công ty cũng như phân tích thị trường ngành than, MSI nhận thấy Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin có khả năng đạt được Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 như đã nêu ở trên nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định mua - bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.

XIII. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN

Không có

XIV. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tập trung mọi nguồn lực vào sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD đã ký với TKV, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong sản xuất, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường
- Tăng cường quản trị chi phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Rà soát cơ cấu lại các khoản đầu tư, nâng cao công tác quản trị nội bộ, tăng cường kiểm soát doanh thu, khai thác linh hoạt có hiệu quả mọi nguồn vốn trên thị trường để đảm bảo cho việc huy động các nguồn vốn lớn phục vụ SXKD và đầu tư phát triển v.v.
- Không ngừng xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, phát triển toàn diện, đồng thời tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường, góp phần gia tăng giá trị vốn góp của cổ đông cũng như đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và lợi ích xã hội.

XV. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Trong năm 2015, một số cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Bộ Công An tổng đạt quyết định khởi tố đối với hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", diễn biến cụ thể của vụ việc trên như sau:

1. Các cá nhân liên quan đến vụ việc

- Đỗ Quang Hưng Chức vụ trước khi bị khởi tố: Phó Giám đốc;
- Nguyễn Kiên Cường Chức vụ trước khi bị khởi tố: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ mỏ;
- Phạm Phú Mỹ Chức vụ trước khi bị khởi tố: Phó bí thư Đảng Ủy;
- Nguyễn Thị Thanh Bình Chức vụ trước khi bị khởi tố: Phó phòng Tài chính kế toán;
- Phạm Cao Nghĩa Chức vụ trước khi bị khởi tố: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT.

2. Thời gian xảy ra vụ việc

- Ngày 03/09/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An đã gửi Thông báo số 250/C46(P12) về việc khởi tố bị can và bắt tạm giam bị can đối với ông Đỗ Quang Hưng. Theo đó, bị can bị khởi tố đối với hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 281, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam". Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16, Bộ Công An;
- Ngày 03/09/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An đã gửi Thông báo số 251/C46(P12) về việc khởi tố bị can và bắt tạm giam bị can đối với ông Nguyễn Kiên Cường. Theo đó, bị can bị khởi tố đối với hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 281, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam". Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16, Bộ Công An;
- Ngày 03/09/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An đã gửi Thông báo số 252/C46(P12) về việc khởi tố bị can bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với ông Phạm Phú Mỹ. Theo đó, bị can bị khởi tố đối với hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 281, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam". Bị can chỉ được phép cư trú tại Phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh;
- Ngày 03/09/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An đã gửi Thông báo số 253/C46(P12) về việc khởi tố bị can bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Thanh Bình. Theo đó, bị can bị khởi tố đối với hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ,

quy định tại Điều 281, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam”. Bị can chỉ được phép cư trú tại Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh;

- Ngày 03/09/2015, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An đã gửi Thông báo số 254/C46(P12) về việc khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với ông Phạm Cao Nghĩa. Theo đó, bị can bị khởi tố đối với hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 281, Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam”. Bị can chỉ được phép cư trú tại Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh.

3. Diễn biến sự việc

- Ngày 08/09/2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin đã ra Quyết định số 178/QĐ-HĐQT về việc đình chỉ công tác đối với ông Nguyễn Kiên Cường. Theo đó, ông Nguyễn Kiên Cường đã bị đình chỉ khỏi chức danh Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ mỏ do hiện đang bị Bộ Công An khởi tố bắt tạm giam;
 - Ngày 11/09/2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin đã ra Quyết định số 182/QĐ-HĐQT về việc đình chỉ công tác đối với ông Đỗ Quang Hưng. Theo đó, ông Đỗ Quang Hưng đã bị đình chỉ khỏi chức danh Phó Giám đốc do hiện đang bị Bộ Công An khởi tố bắt tạm giam;
 - Ngày 11/09/2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá mài – Vinacomin đã ra Quyết định số 183/QĐ-HĐQT về việc đình chỉ công tác đối với ông Phạm Cao Nghĩa. Theo đó, ông Phạm Cao Nghĩa đã bị đình chỉ khỏi chức danh Phó Giám đốc để phục vụ công tác điều tra. Tuy nhiên, ông Phạm Cao Nghĩa vẫn tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm hiện tại (20/01/2016);
 - Ngoài các cá nhân trên, sau khi bị khởi tố, ông Phạm Phú Mỹ được điều chuyển sang giữ chức vụ Chánh Văn Phòng Đảng ủy Công ty; bà Nguyễn Thị Thanh Bình tiếp tục giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán của Công ty cho đến thời điểm hiện tại.
4. Ngày 08/9/2015, Công ty đã gửi Thông báo số 172.TB/TNĐM lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo rõ sự việc. Vụ án vẫn đang được Cơ quan CSĐT của Bộ Công an tiếp tục làm rõ.

PHẦN 2. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 23: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên
1	Ông Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Nguyễn Xuân Lập	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc	Điều hành
3	Ông Phạm Cao Nghĩa	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
4	Ông Vũ Trọng Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc	Điều hành
5	Ông Nguyễn Trọng Tấn	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

1. Ông Hoàng Minh Hiếu: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông	: HOÀNG MINH HIẾU
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 09/04/1961
Nơi sinh	: Hải Đông – Móng Cái – Quảng Ninh
Số CMND	: 100555291 cấp ngày 03/07/2007 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 6, Khu 8, Phường Hồng Hải – TP Hạ Long – Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Khai thác mỏ
Quá trình công tác	:
- Từ 10/1983 đến 11/1988	: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình II
- Từ 11/1988 đến 1990	: Cán bộ công tác tại Mỏ than Núi Béo
- Từ 1990 đến 10/1991	: Phó Quản đốc CT Via 11 Mỏ than Núi Béo
- Từ 11/1991 đến 12/1995	: Phó phòng Điều khiển sản xuất Mỏ than Núi Béo
- Từ 12/1995 đến 01/1997	: Trưởng phòng Điều khiển sản xuất Mỏ than Núi Béo

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Từ 01/1997 đến 7/1997	: Trợ lý Giám đốc Mỏ than Núi Béo
- Từ 07/1997 đến 12/2004	: Phó Giám đốc Mỏ than Núi Béo
- Từ 01/2005 đến 3/2007	: Trưởng ban Điều độ sản xuất than TKV
- Từ 4/2007 đến 18/8/2014	: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin
- Từ 20/8/2014 đến nay	: Trưởng ban Tập đoàn, thành viên ban quản lý vốn, chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Chủ tịch HĐQT Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin
Số lượng cổ phần nắm giữ	: Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 5.400.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

2. Ông Nguyễn Xuân Lập: Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ông	: NGUYỄN XUÂN LẬP
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 25/11/1959
Nơi sinh	: Xã Hải Triều, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên
Số CMND	: 100976918 cấp ngày 17/06/2005 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 1, Khu Cao Sơn II - Phường Cẩm Sơn – TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Khai thác
Quá trình công tác	:
- Từ 6/1986 đến 1/1995	: Cán bộ kỹ thuật Phòng kỹ thuật khai thác mỏ than Cao Sơn
- Từ 2/1995 đến 9/1996	: Phó phòng kỹ thuật khai thác mỏ Than Cao Sơn
- Từ 10/1996 đến 4/1997	: Quyền Trưởng phòng kỹ thuật khai thác mỏ Than Cao Sơn
- Từ 5/1997 đến 3/2002	: Trưởng phòng kỹ thuật khai thác mỏ Than Cao Sơn
- Từ 4/2002 đến 5/2002	: Trưởng Ban kế hoạch dài hạn Công ty Than Cao Sơn
- Từ 6/2002 đến 8/2002	: Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng ban kế hoạch dài hạn Công ty Than Cao Sơn
- Từ 9/2002 đến 1/2006	: Phó Giám đốc Công ty Than Cao Sơn
- Từ 2/2006 đến 12/2006	: Giám đốc Công ty Than Cao Sơn
- Từ 1/2007 đến 3/2010	: Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV
- Từ 4/2010 đến 4/2011	: Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV; Kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn – TKV
- Từ 5/2011 đến 8/2014	: Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin; Kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin
- Từ 9/2014 đến nay	: Ủy viên HĐQT và Giám đốc Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN.
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UV HĐQT, Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	: Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 4.600.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

3. Ông Phạm Cao Nghĩa: Thành viên Hội đồng quản trị

Ông	: PHẠM CAO NGHĨA
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 10/05/1959
Nơi sinh	: Thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy –Tỉnh Thái Bình
Số CMND	: 100705679 cấp ngày 10/06/2011 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 53 Bà Triệu - Phường Cẩm Đông - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Quá trình công tác	:
- Từ 8/1978 đến 12/1978	: Binh nhì, D6-F402 Hải quân
- Từ 12/1978 đến 12/1983	: Học viên-Học viện Kỹ thuật quân sự
- Từ 12/1983 đến 6/1986	: Trung úy trợ lý tham mưu lữ đoàn 539 – Đặc khu Quảng ninh
- Từ 6/1986 đến 3/1987	: Thượng úy trợ lý tham mưu lữ đoàn 539 – Đặc khu Quảng ninh
- Từ 3/1987 đến 8/1987	: Trợ lý Ban công binh Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng ninh
- Từ 8/1987 đến 7/1989	: Đại đội trưởng C1,D19 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng ninh,
- Từ 7/1989 đến 9/1989	: Đảng ủy viên Tiểu đoàn
- Từ 9/1989 đến 7/1993	: Nhân viên, Chuyển ngành về Công ty xây dựng nhà ở Cẩm phả
- Từ 7/1993 đến 10/1999	: Phó phòng kế hoạch Xí nghiệp than Cẩm phả
- Từ 10/1999 đến 5/2007	: Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp than Cẩm phả, Công ty than Quảng ninh
- Từ 5/2007 đến 6/2010	: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN, Đảng ủy viên, bí thư Chi bộ, Chủ tịch hội CCB Công ty
- Từ 6/2010 đến 4/2015	: Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty, Chủ tịch hội CCB Công ty
- Từ 5/2015 đến 09/2015	: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty
- Từ 09/2015 đến nay	: Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UVHĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Số lượng cổ phần nắm giữ	:	Không
Trong đó:		
Sở hữu cá nhân	:	Không
Sở hữu đại diện	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Căn cứ theo Thông báo số 254/C46(P12) của Cơ quan Cảnh sát Điều tra (C46), Bộ Công an về việc khởi tố bị can, cấm đi khỏi nơi cư trú, ông Phạm Cao Nghĩa đã có hành vi phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 281, Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Ông Phạm Cao Nghĩa chỉ được phép cư trú tại phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	4.600.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	- Họ và tên: Vũ Thị Huệ Hương (mối quan hệ: Vợ) - Số lượng sở hữu: 183.688 cổ phần, bằng 1,148% VDL

4. Ông Vũ Trọng Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ông	: VŨ TRỌNG TUẤN
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 03/05/1965
Nơi sinh	: Xã Việt Hưng – Huyện Hoàn Bồ - Tỉnh Quảng Ninh
Số CMND	: 101178452 cấp ngày 27/11/2014 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 8 – Khu 6 – Phường Hà Tu – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Khai thác, Kỹ sư Trắc địa mỏ
Quá trình công tác	:
- Từ 11/1988 đến 6/1996	: Nhân viên phòng kỹ thuật XN Than Cẩm phả
- Từ 7/1996 đến 9/1999	: Trưởng phòng Kỹ thuật XN Than Cẩm Phả
- Từ 10/1999 đến 12/2003	: Phó quản đốc CT Khai thác Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 1/2004 đến 3/2009	: Quản đốc CT Khai thác Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 4/2009 đến 7/2009	: Trợ lý Giám đốc Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 8/2009 đến nay	: UVHĐQT, Phó Giám đốc Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UVHĐQT, Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 12.244 cổ phần, bằng 0,076% Vốn điều lệ
Trong đó:	: 12.244 cổ phần, bằng 0,076% Vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	:
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 4.600.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: - Họ và tên: Bùi Thị Lan (mối quan hệ: Vợ) - Số lượng sở hữu: 148.172 cổ phần, bằng 0,93% VDL

5. Ông Nguyễn Trọng Tấn: Thành viên Hội đồng quản trị

Ông	: NGUYỄN TRỌNG TẤN
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 01/04/1957
Nơi sinh	: Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số CMND	: 100082024 cấp ngày 13/09/2006 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 41 - Phường Cẩm Phú – TP Cẩm Phả - Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Khai thác kinh tế vận tải ô tô
Quá trình công tác	:
- Từ 9/1974 đến 9/1975	: Học nghề thợ máy XN vận tải ô tô Cẩm Phả
- Từ 10/1975 đến 12/1984	: Thợ máy xưởng K3, XN vận tải ô tô
- Từ 1/1985 đến 9/1985	: Cán bộ quản lý đoàn xe cọc 6, XN vận tải ô tô
- Từ 10/1985 đến 6/1987	: Đội phó đội xe 2, đoàn xe cọc 6, XN vận tải ô tô Cẩm phả
- Từ 7/1987 đến 8/1987	: Đi thực tập tại Nhật Bản
- Từ 9/1987 đến 7/1998	: Đội phó đội xe 2, Mỏ than cọc 6
- Từ 8/1998 đến 12/2001	: Phó phòng kỹ thuật Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 1/2002 đến 3/2010	: Trưởng phòng Cơ điện Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 4/2010 đến 7/2013	: Quản đốc PX Vận tải 1, Quản đốc PX Cơ điện Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 8/2013 đến nay	: UVHĐQT, Chủ tịch Công đoàn, Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN – Vinacomin
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UVHĐQT, Chủ tịch Công đoàn Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	: 30.612 cổ phần, bằng 0,191% VDL
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: 30.612 cổ phần, bằng 0,191% VDL
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 4.600.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

II. BAN KIỂM SOÁT

Bảng 24: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Xuân Vinh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Quang Quảng	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

1. Ông Phạm Xuân Vinh: Trưởng Ban Kiểm soát

Ông	: PHẠM XUAN VINH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 26/12/1958
Nơi sinh	: Xã Quang Lịch – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình
Số CMND	: 100642962 cấp ngày 21/03/2013 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 2 – Khu 2 – Phường Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác	:
- Từ 1985 đến 1988	: Kế toán giá thành mỏ than Hà Tu
- Từ 1989 đến 1991	: Phó phòng Kế toán XN Vận tải Than Hòn Gai
- Từ 1992 đến 1993	: Kế toán trưởng khách sạn Heritage Hạ Long
- Từ 1994 đến 1997	: Kế toán trưởng Cty Than Hòn Gai
- Từ 1998 đến 2004	: Kế toán trưởng Cty Tuyển Than Hòn Gai
- Từ 2005 đến 2014	: Phó trưởng Ban Kiểm toán Tập đoàn TKV, Phó trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn TKV
- Từ 2014 - nay	: Phó trưởng Ban Kiểm toán Tập đoàn TKV Phó trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn TKV Trưởng BKS Cty CP kinh doanh Than Cẩm phá, , Cty CP Than Núi Béo, Cty CP Than Vàng Danh, Cty CP Vận tải Thủy KSV trưởng Tổng Ct CN Mỏ Việt Bắc, Cty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Trưởng ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Phó trưởng Ban Kiểm toán Tập đoàn TKV, Phó trưởng Ban kiểm soát Tập đoàn TKV, Trưởng BKS Cty CP kinh doanh

QUẢN TRỊ CÔNG TY

		Than Cẩm phả, , Cty CP Than Núi Béo, Cty CP Than Vàng Danh, Cty CP Vận tải Thủy, KSV trường Tổng Ct CN Mỏ Việt Bắc, Côngty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài.
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	Không
Trong đó:		
Sở hữu cá nhân	:	Không
Sở hữu đại diện	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	4.600.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có

2. Ông Nguyễn Quang Quảng: Thành viên Ban Kiểm soát

Ông	: NGUYỄN QUANG QUẢNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 04/12/1980
Nơi sinh	: Gia Lương - Bắc Ninh
Số CMND	: 013376503 cấp ngày 09/02/2011 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
- Từ 2003 đến 2008	: Công tác tại Công ty Than Hạ Long
- Từ 2008 đến 3/2015	: Phó trưởng phòng công tác tại Ban Kế hoạch TKV
- Từ 4/2015 đến nay	: Phó trưởng phòng kiểm soát chi phí và quản lý giá - Ban Kế hoạch TKV, Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Nam – Vinacomin
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UV Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Phó trưởng phòng kiểm soát chi phí và quản lý giá - Ban Kế hoạch TKV, UV BKS tại Ban kế hoạch TKV Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Than Miền Nam – Vinacomin
Số lượng cổ phần nắm giữ	: Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 4.200.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

3. Ông Nguyễn Huy Hoàng: Thành viên Ban Kiểm soát

Ông	: NGUYỄN HUY HOÀNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 26/11/1977
Nơi sinh	: Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số CMND	: 100658251 cấp ngày 17/06/2010 tại CA. Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 81B - Phường Cẩm Trung - TP Cẩm Phả - Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Kế toán Doanh nghiệp
Quá trình công tác	:
- Từ 5/1999 đến 4/2002	: Nhân viên phòng Kế hoạch XN than Suối lại
- Từ 5/2002 đến 5/2005	: Thủ kho than XN xây lắp và sản xuất than khe chàm II
- Từ 6/2005 đến 3/2010	: Nhân viên Phân xưởng vận tải, nhân viên phòng Kế hoạch Cty CP Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
- Từ 4/2010 đến 3/2014	: Phó phòng Kế hoạch và QTCP Công ty
- Từ 4/2014 đến nay	: Phó phòng Kế hoạch và QTCP Công ty đồng thời là Ủy viên Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: UV Ban kiểm soát Công ty, Phó phòng KH&QTCP
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	: Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: 4.200.000 đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

III. BAN GIÁM ĐỐC

Bảng 25: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Lập	Giám đốc – Thành viên HĐQT
2	Ông Vũ Trọng Tuấn	Phó Giám đốc – Thành viên HĐQT
3	Ông Vũ Văn Huy	Phó Giám đốc
4	Ông Đặng Xuân Vượng	Phó Giám đốc
5	Ông Phạm Duy Thanh	Phó Giám đốc

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Xuân Lập: Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị

Được nêu tại phần Ông Nguyễn Xuân Lập: Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị mục Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

2. Ông Vũ Trọng Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Được nêu tại phần Ông Vũ Trọng Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị mục Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

3. Ông Vũ Văn Huy: Phó Giám đốc

Ông	: VŨ VĂN HUY
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 18/7/1975
Nơi sinh	: Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số CMND	: 100983961 cấp ngày 29/11/2005 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 10, tổ 8, Tân Lập I , P.Cẩm Thủy – TP. Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
- Từ 11/1998 đến 12/1999	: Nhân viên Phòng LĐTL mỏ Đèo Nai
- Từ 1/2000 đến 12/2004	: Nhân viên Phòng Kế Hoạch Công ty Than Đèo Nai
- Từ 1/2005 đến 9/2007	: Phó phòng Phòng Kế Hoạch Công ty Than Đèo Nai
- Từ 10/2007 đến 9/2015	: Trưởng phòng Phòng Kế Hoạch Công ty CP Than Đèo Nai
- Từ 10/2015 đến nay	: Phó Giám đốc Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

4. Ông Đặng Xuân Vượng: Phó Giám đốc:

Ông	: ĐẶNG XUÂN VƯỢNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 18/10/1960
Nơi sinh	: Cẩm Phả - Quảng Ninh
Số CMND	: 100710480 cấp ngày 30/03/2011 tại CA Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 4 - Khu phố Bình Minh-Phường Cẩm Bình-TP.Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư chế tạo máy mỏ
Quá trình công tác	
- Từ 4/1981 đến 11/1982	: Thợ sửa chữa phân xưởng Cơ điện mỏ Đèo Nai
- Từ 12/1982 đến 2/1985	: Thợ nguội gia công phân xưởng Cơ điện mỏ Đèo Nai
- Từ 8/1985 đến 4/1987	: Nhân viên phòng Đào Tạo mỏ Đèo Nai
- Từ 5/1987 đến 10/1990	: Giáo viên phòng Đào Tạo trường CNKT mỏ Đèo Nai
- Từ 11/1990 đến 8/1995	: Nhân viên phòng Cơ Điện mỏ Đèo Nai
- Từ 9/1995 đến 10/1997	: Phó phòng phòng Cơ Điện Công ty Than Đèo Nai
- Từ 11/1997 đến 5/2007	: Trưởng phòng phòng Cơ Điện Công ty Than Đèo Nai
- Từ 6/2007 đến 9/2015	: Phó Giám Đốc Công ty CP Than Đèo Nai
- Từ 10/2015 đến nay	: Phó Giám Đốc Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

5. Ông Phạm Duy Thanh: Phó Giám đốc

Ông	: PHẠM DUY THANH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 3/11/1977
Nơi sinh	: Hạ Long - Quảng Ninh
Số CMND	: 100670840 cấp ngày 19/04/2011 tại Quảng Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 63, tổ 104, phường Bạch Đằng – Hạ Long -Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư khai thác mỏ
Quá trình công tác	
- Từ 9/1999 đến 1/2002	: Nhân viên Phòng Kỹ Thuật Khai Thác mỏ Đèo Nai
- Từ 2/2002 đến 8/2008	: Phó phòng Phòng Kỹ Thuật Khai Thác mỏ Đèo Nai
- Từ 9/2008 đến 3/2011	: Trưởng phòng Phòng Kỹ Thuật Khai Thác mỏ Đèo Nai
- Từ 4/2011 đến 9/2015	: Phó Giám đốc Công ty CP Than Đèo Nai
- Từ 10/2015 đến nay	: Phó Giám đốc Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomín
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không có

IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bảng 26: Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Lương Ứng	Kế Toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

Ông	: LÊ LƯƠNG ỨNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 02/09/1962
Nơi sinh	: Xã Yết Kiêu – Huyện Gia Lộc – Tỉnh Hải Dương
Số CMND	: 101045838
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Tổ 4 – Phường Cẩm Trung – TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Quá trình công tác	:
- Từ 1/1986 đến 2/1987	: Nhân viên kế toán Xí nghiệp vận tải ô tô Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Từ 3/1987 đến 6/1994	: Nhân viên kế toán phòng kế toán mỏ than cục 6
- Từ 7/1994 đến 11/1995	: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp than tận thu I
- Từ 12/1995 đến 2/1996	: Kế toán trưởng Xí nghiệp than Tận thu I
- Từ 3/1996 đến 9/1999	: Phó phòng kế toán mỏ than cục 6 - Cẩm phả - Quảng Ninh
- Từ 10/1999 đến nay	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - VINACOMIN
Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Trong đó:	
Sở hữu cá nhân	: Không
Sở hữu đại diện	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: - Họ và tên: Nguyễn Thị Lan (mối quan hệ: Vợ) - Cổ phiếu nắm giữ: 260.484 cổ phần, bằng 1,628% VDL

V. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin sẽ thực hiện các công tác quản trị công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành;
- CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin cam kết sẽ phối hợp tối đa với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước làm rõ các thông tin liên quan đến việc khởi tố ông Phạm Cao Nghĩa- Thành viên HĐQT;
- CTCP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin (i) đối với Công ty đại chúng quy mô lớn nói chung và (ii) đối với những cá nhân bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Bộ Công An khởi tố nói riêng.
- Trong thời gian tới, sau khi có kết luận của các cơ quan chức năng, trong trường hợp ông Nghĩa thực sự phạm tội, Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin sẽ xem xét tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh cơ cấu quản trị công ty phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty;
- Công ty sẽ xây dựng, điều chỉnh Điều lệ công ty trên cơ sở tham chiếu Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng và tuân thủ Luật Doanh nghiệp.

PHẦN 3. PHỤ LỤC

CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

- ❖ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ Giấy đề nghị Đăng ký giao dịch;
- ❖ Giấy chứng nhận Đăng ký lưu ký chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán VN;
- ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014;
- ❖ Báo cáo tài chính 9 tháng/2015.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI – VINACOMIN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOÀNG MINH HIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

A handwritten signature in black ink.

PHẠM XUÂN VINH

GIÁM ĐỐC

A handwritten signature in black ink.

NGUYỄN XUÂN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A handwritten signature in black ink.

LÊ LƯƠNG ỨNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME

TỔNG GIÁM ĐỐC



MẠC QUANG HUY